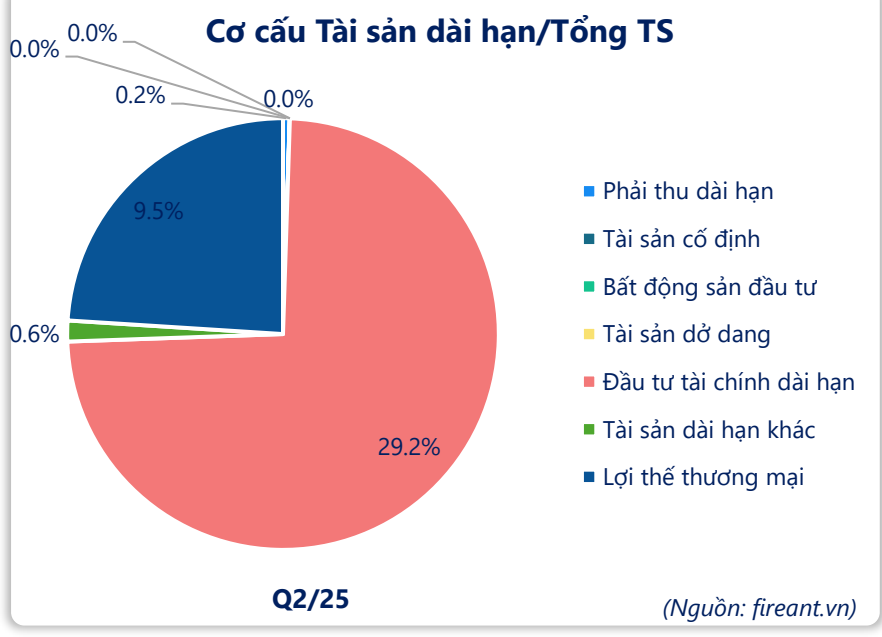
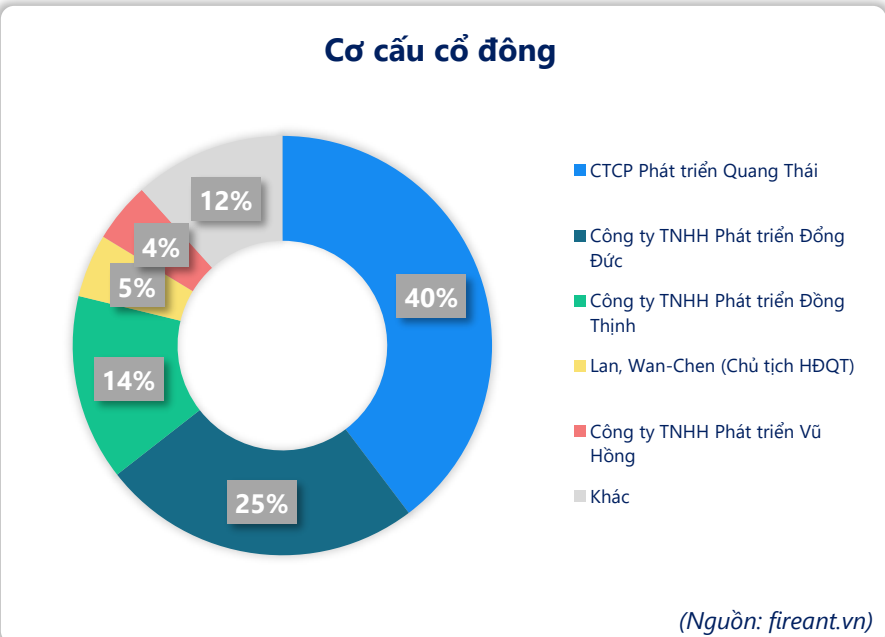
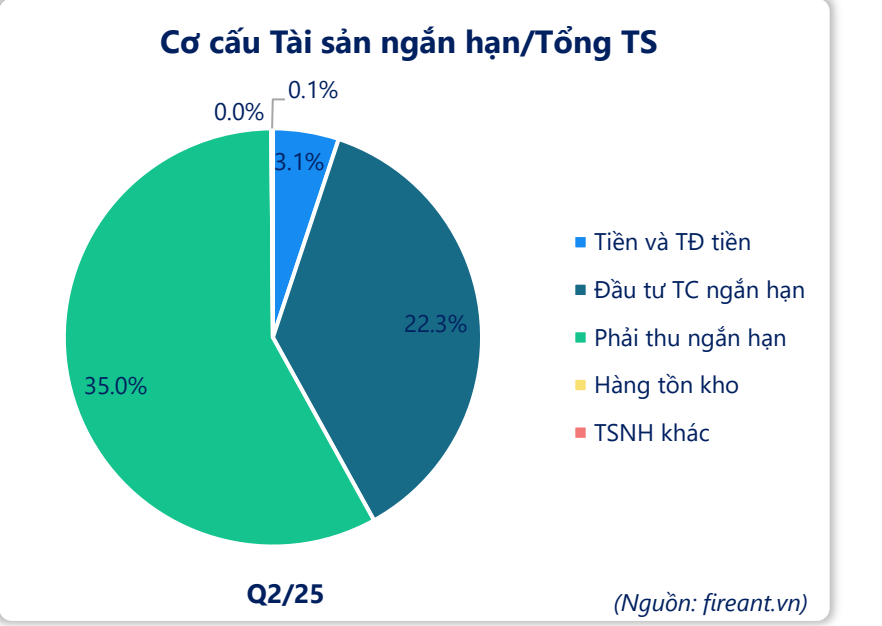
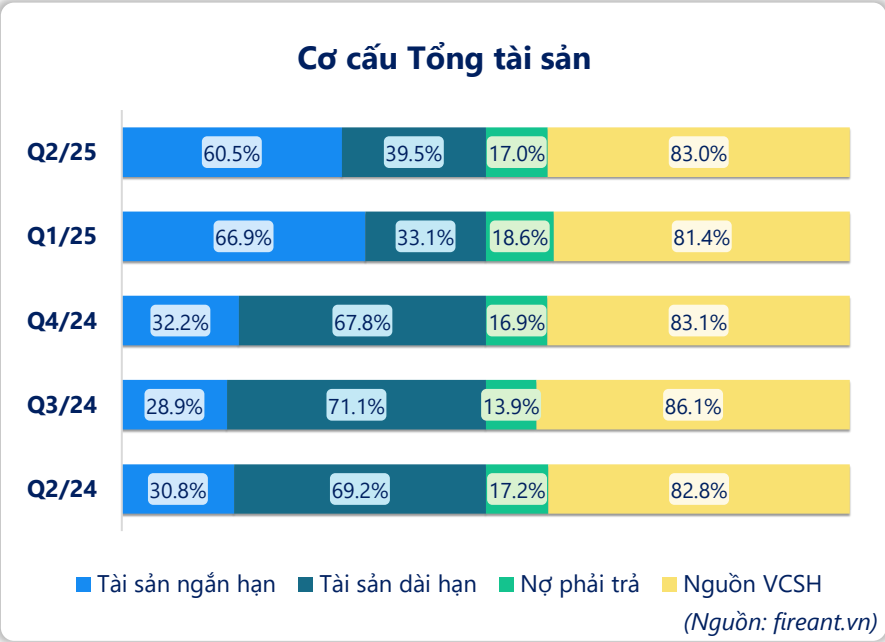
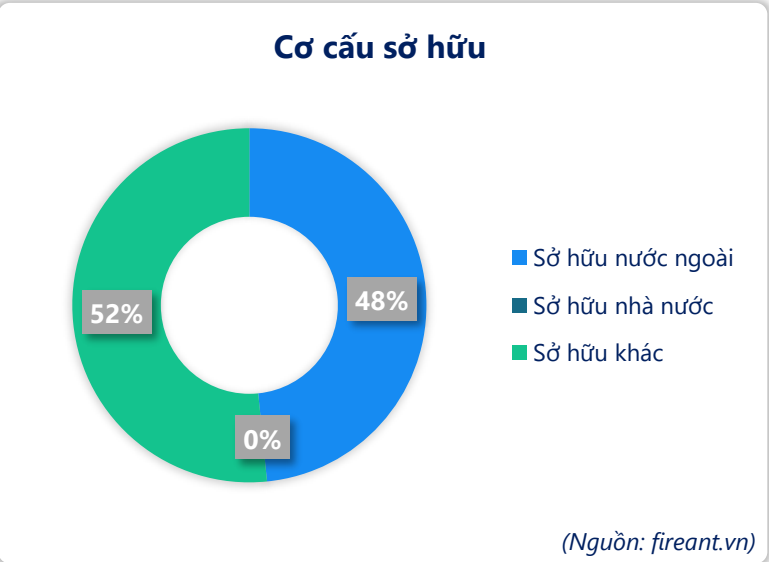
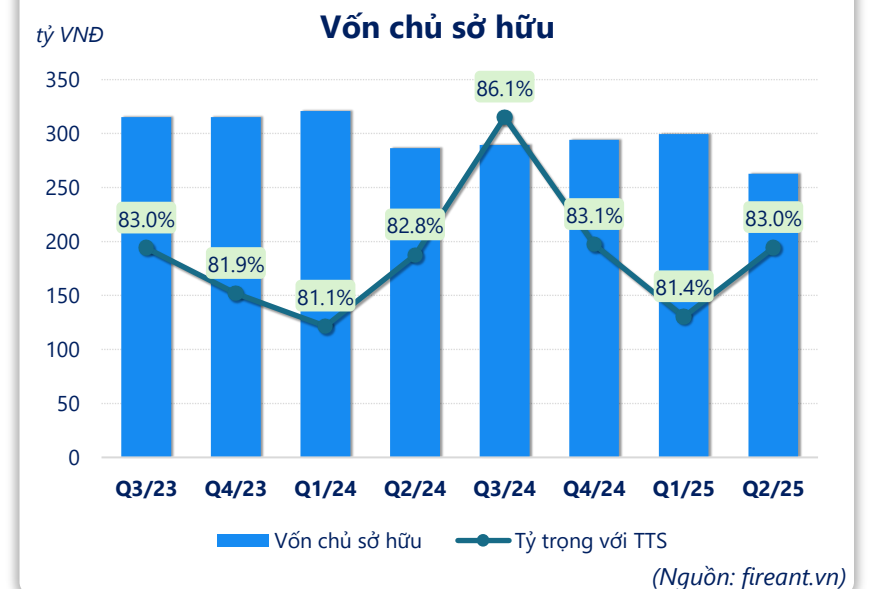
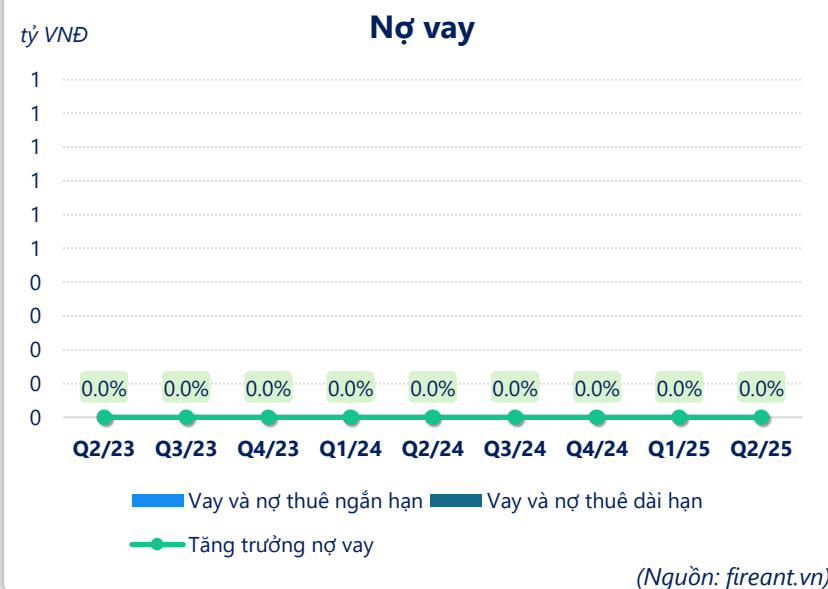
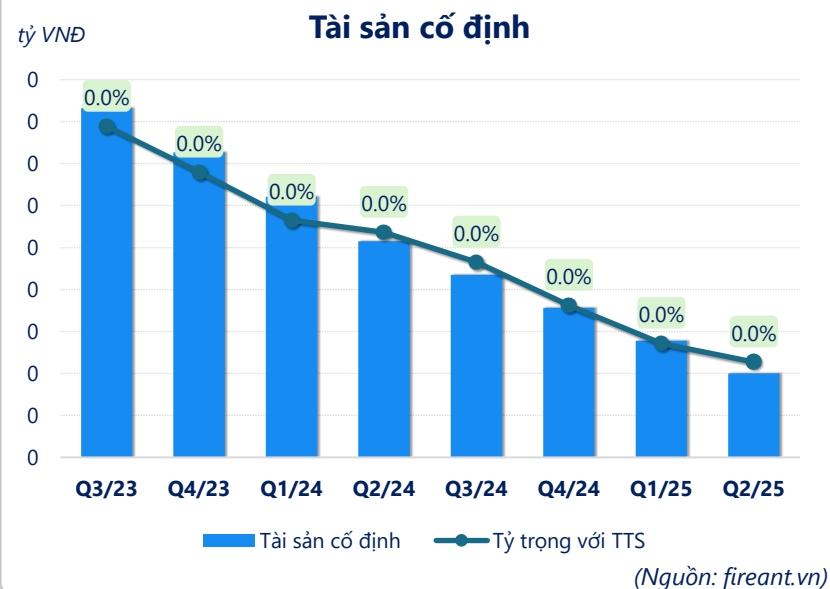
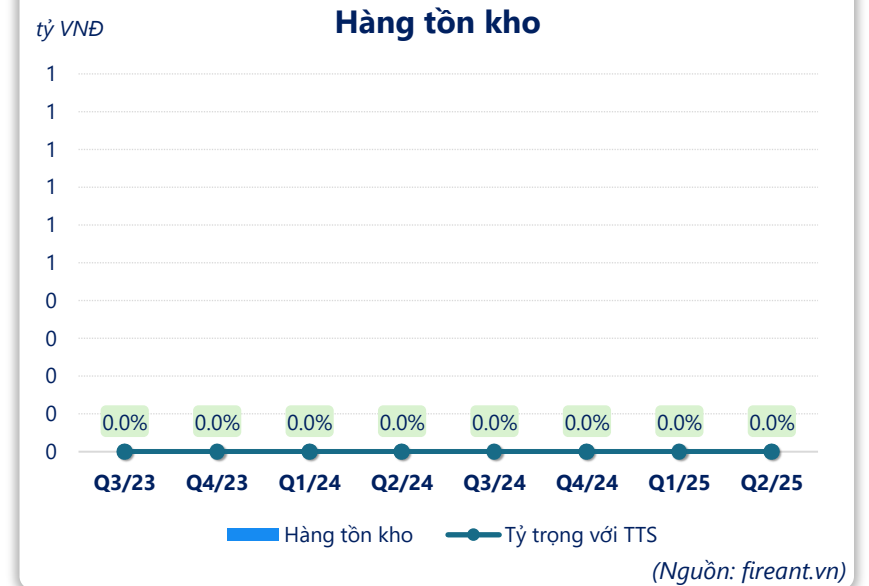
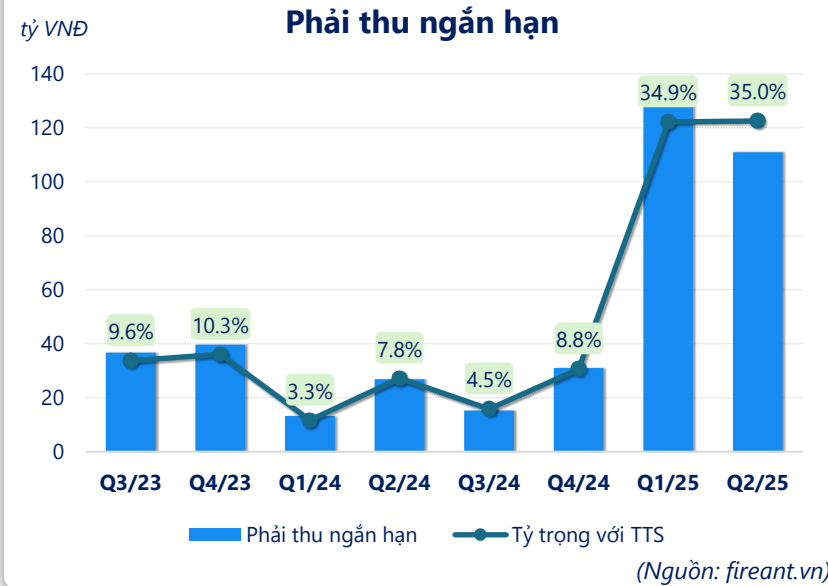
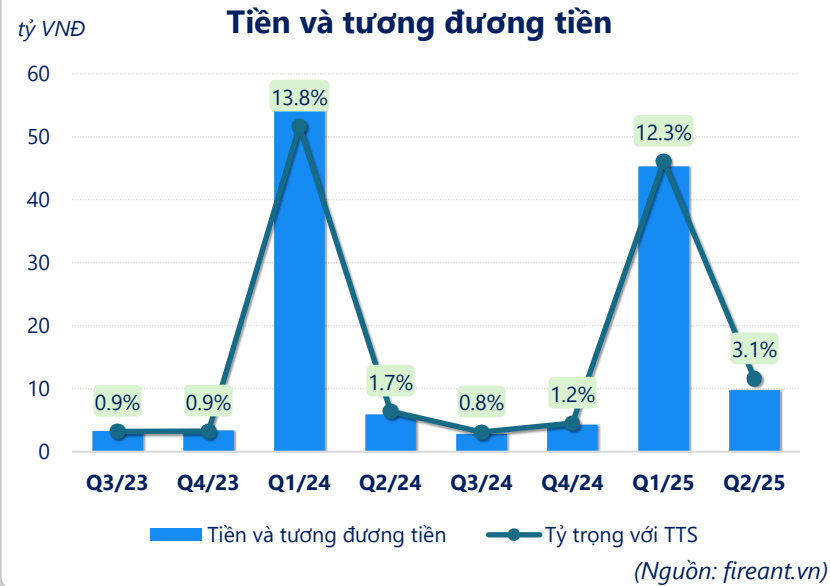
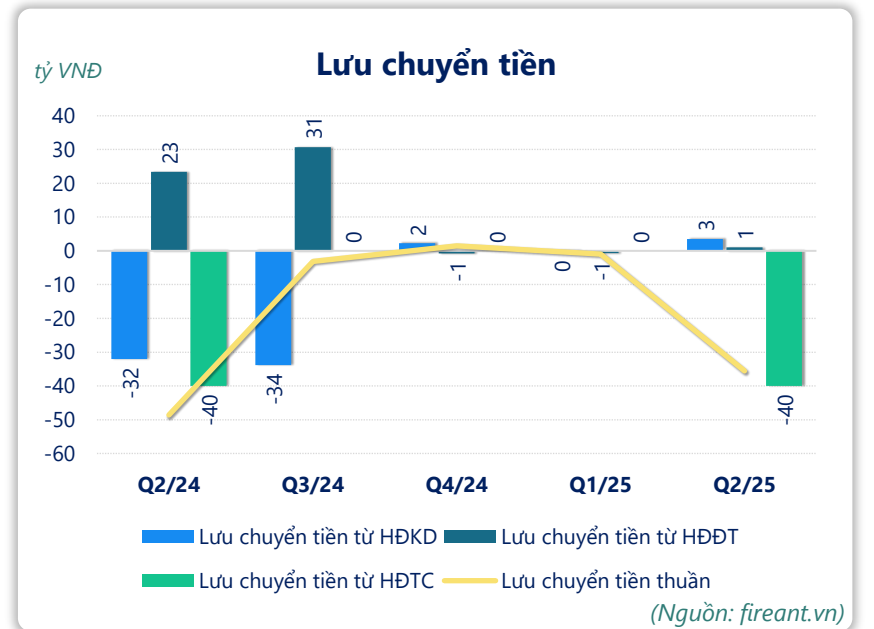
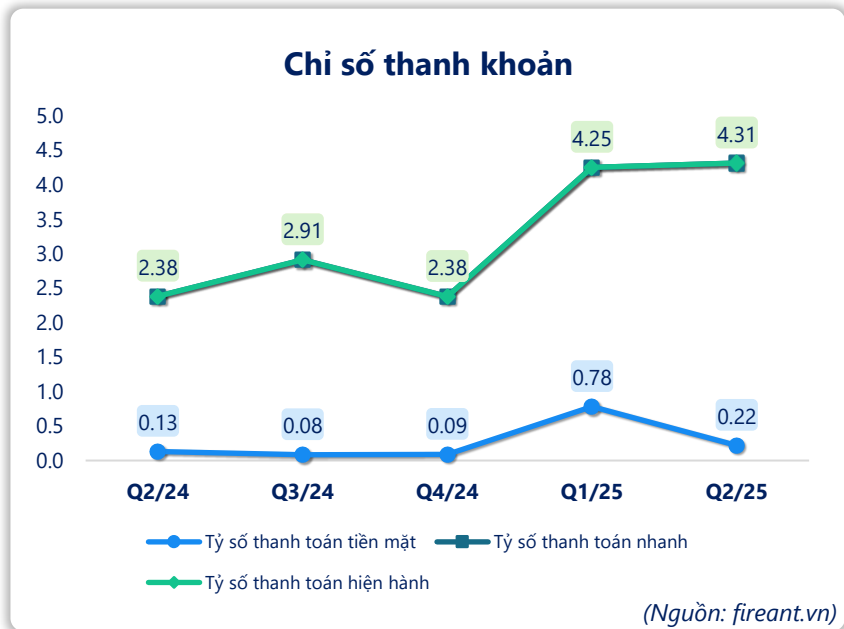
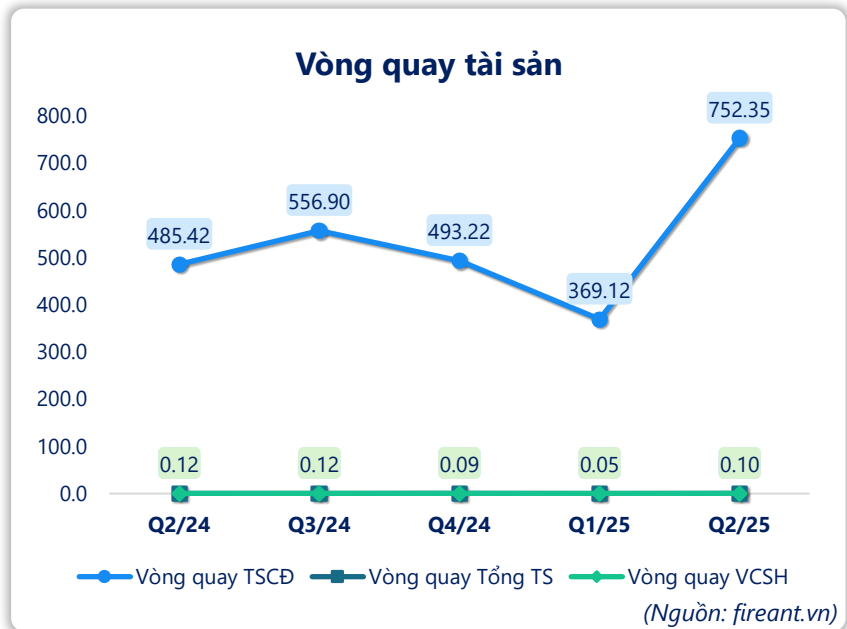
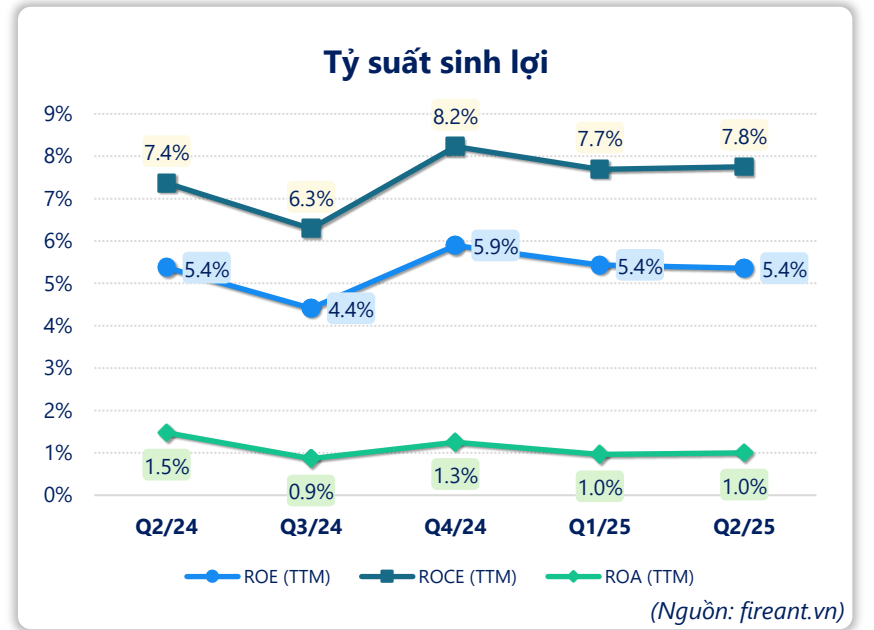
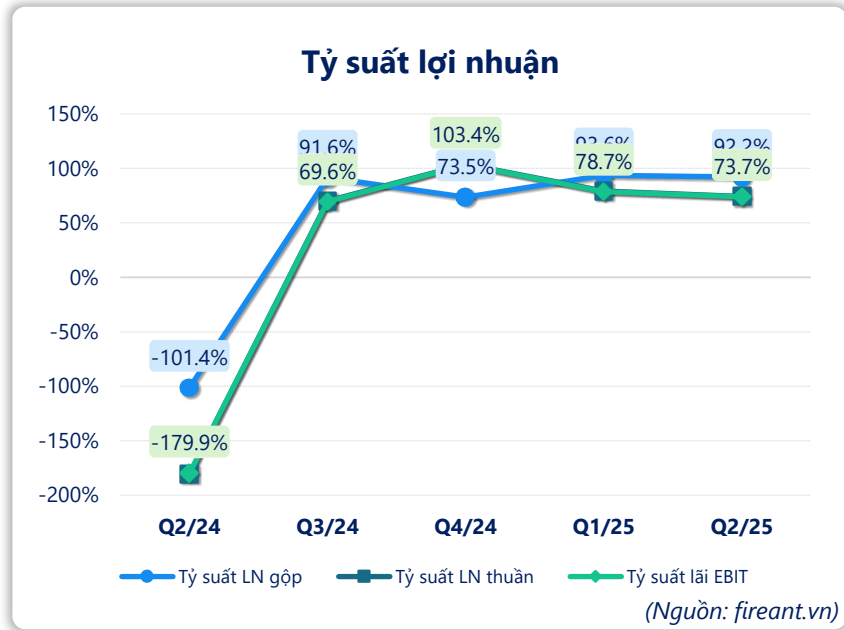
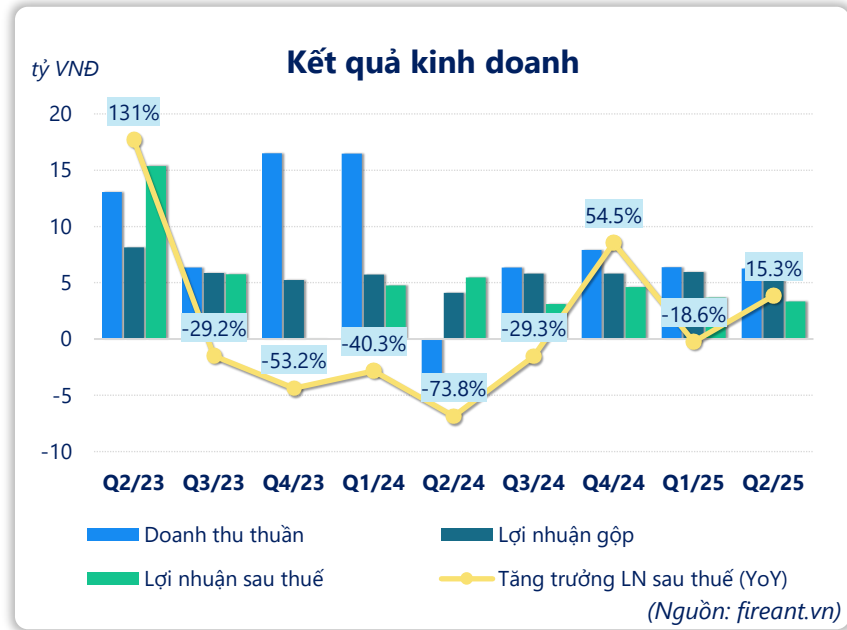


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,904
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,179
SL cổ phiếu LH		20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,280
% sở hữu nước ngoài		48.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		258
P/E		17.5
EPS		736

	YTD	1T	3T	6T
ABR	19.6%	1.9%	28.0%	25.5%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	317	355	-10.7%
Tài sản ngắn hạn	192	197	-2.7%
Tiền và tương đương tiền	9.76	46.3	-78.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.6	111	-36.5%
Phải thu ngắn hạn	111	39.3	182%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.24	0.21	14.2%
Tài sản dài hạn	125	158	-20.7%
Phải thu dài hạn	0.62	0.42	48.7%
Tài sản cố định	0.02	0.04	-43.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	92.6	122	-24.1%
Tài sản dài hạn khác	1.95	2.01	-2.9%
Lợi thế thương mại	30.0	33.5	-10.3%
Nợ phải trả	53.8	58.9	-8.6%
Nợ ngắn hạn	44.4	46.9	-5.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	5.60	30.5	-81.6%
Nợ dài hạn	9.46	12.0	-21.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	263	296	-11.2%
Vốn chủ sở hữu	263	296	-11.2%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	-4.04	6.36	7.91	6.37	6.26
Giá vốn hàng bán	-8.15	0.54	2.10	0.40	0.49
Lợi nhuận gộp	4.10	5.82	5.82	5.96	5.77
Doanh thu HĐTC	3.85	3.65	3.51	3.50	3.11
Chi phí TC	0.07	0.08	0.09	0.11	0.06
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.02	0.02	-0.04	0.01	0.01
Chi phí QLDN	0.55	4.93	1.07	4.30	4.16
LN thuần từ HĐKD	7.31	4.45	8.21	5.04	4.65
Lợi nhuận khác	-0.03	-0.03	-0.03	-0.03	-0.03
LN trước thuế	7.28	4.42	8.18	5.01	4.62
Lợi nhuận sau thuế	5.47	3.09	4.63	3.68	3.32
LNST của CĐ cty mẹ	5.47	3.09	4.63	3.68	3.32

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-32.0	-33.8	2.24	-0.36	3.48
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	23.4	30.7	-0.76	-0.63	1.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-40.0	0	0	0	-40.0
Tiền đầu kỳ	54.5	5.94	2.80	46.3	45.3
Lưu chuyển tiền thuần	-48.6	-3.14	1.48	-0.99	-35.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.94	2.80	4.27	45.3	9.76

(Nguồn: fireant.vn)